TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 26/5/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, ông Y Đo Niê.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 158/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn C (tên gọi khác: Bùi Hùng C), sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Phạm Thị D, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

+ Ông Lê Đức D1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn ông Bùi Văn C trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 10/11/2022 bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 có vay của ông C số tiền 200.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay đến ngày 11/11/2022. Ông Lê Đức D1 là con của bà D đã

thỏa thuận và ký xác nhận có trách nhiệm trả nợ cùng bà D.

Quá hạn trả nợ, bà D và ông D1 không có tiền trả cho ông C, nên bà D đưa cho ông C ba (03) bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSD đất) mang tên bà Phạm Thị D để làm tin.

Ông C đã nhiều lần yêu cầu bà D, ông D1 trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào.

Ông C yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 liên đới trả cho ông C tổng số tiền 203.600.000 đồng (bao gồm 200.000.000 đồng tiền vay gốc và 3.600.000 đồng tiền lãi), tạm tính đến ngày 28/11/2022 theo mức lãi suất 20%/năm. Bà D và ông D1 phải tiếp tục chịu tiền lãi suất trên nợ gốc là 20%/năm cho đến khi trả xong nợ.

Khi nào bà D, ông D1 thanh toán hết nợ, ông C sẽ có trách nhiệm trả lại cho bà D, ông D1 ba (03) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: GCN QSD đất số BL 603668 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 24/9/2013, tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59, diện tích 3.132,9 m^2, địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M cho bà Phạm Thị D; GCN QSD đất số BL 603658 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 24/9/2013, tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 59, diện tích 16.552,4 m^2, địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M cho bà Phạm Thị D; GCN QSD đất số AM 061799 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 27/8/2009, tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 32, diện tích 6.724,0 m^2, địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M cho bà Phạm Thị D.

** Bị đơn Phạm Thị D đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng bà D không đến Tòa án làm việc, Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của bà.*

** Quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Đức D1 trình bày:* Ngày 08/01/2022, ông D1 và bà D có vay của ông C số tiền 200.000.000 đồng để đảo hạn trả nợ ngân hàng. Ông D1 đã trả tiền lãi 04 ngày là 6.000.000 đồng. Do ngân hàng không giải ngân nên bà D không có tiền để trả cho ông C nên ông C đã đề nghị bà D đưa GCN QSD đất cho ông C để nhờ người vay giúp tiền nhưng vẫn không vay được mà đang giữ bản gốc 03 GCN QSD đất của bà D. Quá trình giải quyết vụ án, ông C đăng tải và ghép những hình ảnh không liên quan đến việc vay tiền làm ảnh hưởng đến ông D1 và bà D. Ông D1 yêu cầu ông C trả lại bản gốc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D và đăng bài xin lỗi ông D1 trên cộng đồng mạng.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 phải trả cho ông Bùi Văn C tổng số tiền 203.600.000 đồng (bao gồm: 200.000.000 đồng tiền gốc và 3.600.000 đồng tiền lãi), bà D và ông D1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất là 20%/năm đến khi trả xong nợ.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn C đề ngày 28/11/2022, Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 có địa chỉ tại thôn 7, xã E và thôn 5, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 phải trả số tiền 200.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 10/11/2022. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn ông Lê Đức D1 đều thừa

nhận việc bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 có vay của ông Bùi Văn C số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 10/11/2022 là có thật. Đến nay bà D và ông D1 chưa thanh toán cho ông C khoản tiền nào. Như vậy, đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giấy biên nhận vay tiền ngày 10/11/2022 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với pháp luật, đạo đức và xã hội. Tuy nhiên, đến thời hạn bị đơn chưa trả được nợ cho nguyên đơn như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn C số tiền vay gốc 200.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 10/11/2022.

[2.2] Về lãi suất: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi 3.600.000 đồng tạm tính từ ngày vay 10/11/2022 đến ngày 28/11/2022 là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Buộc ông Bùi Văn C phải trả lại cho bà Phạm Thị D (03) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: GCN QSD đất số BL 603668 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 24/9/2013, tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59, diện tích 3.132,9 m^2, địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M cho bà Phạm Thị D; GCN QSD đất số BL 603658 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 24/9/2013, tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 59, diện tích 16.552,4 m^2, địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M cho bà Phạm Thị D; GCN QSD đất số AM 061799 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 27/8/2009, tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 32, diện tích 6.724,0 m^2, địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M cho bà Phạm Thị D.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 217; khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn C. Buộc bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 phải liên đới trả cho ông Bùi Văn C số tiền 203.600.000 đồng (bao gồm 200.000.000 đồng nợ gốc và 3.600.000 tiền lãi) theo giấy biên nhận vay tiền ngày 10/11/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc ông Bùi Văn C phải trả lại cho bà Phạm Thị D (03) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: GCN QSD đất số BL 603668 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 24/9/2013, tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 59, diện tích 3.132,9 m^2, địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M cho bà Phạm Thị D; GCN QSD đất số BL 603658 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 24/9/2013, tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 59, diện tích 16.552,4 m^2, địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M cho bà Phạm Thị D; GCN QSD đất số AM 061799 do UBND huyện M'Đrắk cấp ngày 27/8/2009, tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 32, diện tích 6.724,0 m^2, địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M cho bà Phạm Thị D.

3. Về án phí:

- Bị đơn bà Phạm Thị D và ông Lê Đức D1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.180.000 đồng.

- Trả lại ông Bùi Văn C 5.090.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0009505 ngày 26/12/2022.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà